

## BÁO CÁO CÔNG KHAI NGUỒN THU KHÁM CHỮA BỆNH CỦA TRUNG TÂM Y TẾ QUÝ II NĂM 2020

LHOẠT ĐỘNG THU KHÁM CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ

### BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT QUÝ II/2020

| Tổng hợp<br>quý II/2020 | NGOẠI TRÚ   |             |               | NỘI TRÚ       |    |               | TỔNG          |             | TỔNG CỘNG<br>QUI | TỔNG SỐ<br>BH Xuất<br>toán Bệnh | TỔNG SỐ<br>BH<br>Xuất toán | TỔNG SỐ<br>BH<br>Xuất toán | TỔNG SỐ BH<br>QUYẾT<br>TOÁN BV | TỔNG SỐ<br>BH QUYẾT<br>TOÁN XÃ | TỔNG SỐ BH<br>QUYẾT<br>TOÁN BV+XÃ |
|-------------------------|-------------|-------------|---------------|---------------|----|---------------|---------------|-------------|------------------|---------------------------------|----------------------------|----------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|
|                         | BV          | XÃ          | CỘNG          | BV            | XÃ | CỘNG          | CỘNG BV       | CỘNG XÃ     |                  |                                 |                            |                            |                                |                                |                                   |
| XN                      | 41.231.700  | -           | 41.231.700    | 42.376.000    | -  | 42.376.000    | 83.607.700    | -           | 83.607.700       | 177.975                         | -                          | 177.975                    | 83.429.725                     | -                              | 83.429.725                        |
| SA                      | 33.232.300  | 61.460      | 33.293.760    | 20.852.500    | -  | 20.852.500    | 54.084.800    | 61.460      | 54.146.260       | 175.600                         | -                          | 175.600                    | 53.909.200                     | 61.460                         | 53.970.660                        |
| XQ                      | 35.335.600  | -           | 35.335.600    | 10.555.200    | -  | 10.555.200    | 45.890.800    | -           | 45.890.800       | 2.074.165                       | -                          | 2.074.165                  | 43.816.635                     | -                              | 43.816.635                        |
| Nội Soi TMH             | 2.904.000   | -           | 2.904.000     | 104.000       | -  | 104.000       | 3.008.000     | -           | 3.008.000        | -                               | -                          | -                          | 3.008.000                      | -                              | 3.008.000                         |
| Điện Tim                | 3.214.400   | -           | 3.214.400     | 1.476.000     | -  | 1.476.000     | 4.690.400     | -           | 4.690.400        | -                               | -                          | -                          | 4.690.400                      | -                              | 4.690.400                         |
| Thuốc                   | 539.367.180 | 121.316.156 | 660.683.336   | 118.761.086   | -  | 118.761.086   | 658.128.266   | 121.316.156 | 779.444.422      | 3.102.061                       | 7.169.283                  | 10.271.344                 | 655.026.205                    | 114.146.873                    | 769.173.078                       |
| TT                      | 16.981.000  | 15.724.940  | 32.705.940    | 81.650.600    | -  | 81.650.600    | 98.631.600    | 15.724.940  | 114.356.540      | 798.600                         | 782.600                    | 1.581.200                  | 97.833.000                     | 14.942.340                     | 112.775.340                       |
| VT                      | 148.546     | -           | 148.546       | 5.275.156     | -  | 5.275.156     | 5.423.702     | -           | 5.423.702        | 112.556                         | -                          | 112.556                    | 5.311.146                      | -                              | 5.311.146                         |
| T.Khám                  | 203.013.200 | 85.002.500  | 288.015.700   | 15.677.000    | -  | 15.677.000    | 218.690.200   | 85.002.500  | 303.692.700      | 2.427.800                       | 2.007.500                  | 4.435.300                  | 216.262.400                    | 82.995.000                     | 299.257.400                       |
| T. Giường               | -           | -           | -             | 750.064.465   | -  | 750.064.465   | 750.064.465   | -           | 750.064.465      | 2.708.460                       | -                          | 2.708.460                  | 747.356.005                    | -                              | 747.356.005                       |
| Xăng                    | 299.600     | -           | 299.600       | 18.023.180    | -  | 18.023.180    | 18.322.780    | -           | 18.322.780       | 532.140                         | -                          | 532.140                    | 17.790.640                     | -                              | 17.790.640                        |
| Cộng                    | 875.727.526 | 222.105.056 | 1.097.832.582 | 1.064.815.187 | -  | 1.064.815.187 | 1.940.542.713 | 222.105.056 | 2.162.647.769    | 12.109.357                      | 9.959.383                  | 22.068.740                 | 1.928.433.356                  | 212.145.673                    | 2.140.579.029                     |
| BNTT                    | 24.833.392  | -           | 24.833.392    | 37.486.964    | -  | 37.486.964    | 62.320.356    | -           | 62.320.356       | -                               | -                          | -                          | 62.320.356                     | -                              | 62.320.356                        |
| Tổng Cộng               | 850.894.134 | 222.105.056 | 1.072.999.190 | 1.027.328.223 | -  | 1.027.328.223 | 1.878.222.357 | 222.105.056 | 2.100.327.413    | 12.109.357                      | 9.959.383                  | 22.068.740                 | 1.866.113.000                  | 212.145.673                    | 2.078.258.673                     |
| xuất toán chốt 3        |             |             |               |               |    |               |               |             |                  |                                 |                            |                            |                                |                                | 1.199.043                         |
| TỔNG XUẤT TOÁN          |             |             |               |               |    |               |               |             |                  |                                 |                            |                            |                                |                                | 1.111.693                         |
|                         |             |             |               |               |    |               |               |             |                  |                                 |                            |                            |                                |                                | 24.379.476                        |

II. HOẠT ĐỘNG THU KHÁM CHỮA BỆNH CHO ĐỐI TƯỢNG THẺ 5%, 20% VÀ KHÔNG THẺ BHYT

### BẢNG KÊ CHI TIẾT VIỆN PHÍ, BHYT 2020

|             | thuốc      | SA        | KSK         | KB        | giường     | TF         | XQ        | khác    | XN         | ĐTD     | Xe        | Tổng        |
|-------------|------------|-----------|-------------|-----------|------------|------------|-----------|---------|------------|---------|-----------|-------------|
| QUÍ II/2020 | 14.936.213 | 3.537.500 | 107.200.000 | 5.917.500 | 26.225.100 | 11.805.200 | 3.769.900 | 350.000 | 54.354.000 | 164.000 | 4.900.000 | 233.159.413 |
| 4           | 5.252.832  | 1.507.900 | 17.120.000  | 2.196.500 | 7.368.500  | 4.726.200  | 1.758.700 | 50.000  | 11.599.900 | 65.600  | 1.050.000 | 52.696.132  |
| 5           | 4.917.657  | 1.146.500 | 39.840.000  | 1.647.000 | 9.654.600  | 4.293.600  | 938.600   | 100.000 | 21.250.200 | 65.600  | 1.750.000 | 85.603.757  |
| 6           | 4.765.724  | 883.100   | 50.240.000  | 2.074.000 | 9.202.000  | 2.785.400  | 1.072.600 | 200.000 | 21.503.900 | 32.800  | 2.100.000 | 94.859.524  |

Người lập.  
*Nguyễn Thị Tuyết Như*  
Đang chờ quyết định.

Mang Yang ngày 05 tháng 07 năm 2020

